

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
QUÂN CHỦNG HẢI QUÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày 23-08-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ QUÂN CHỦNG HẢI QUÂN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Thượng tá V.H.T

Thẩm phán: Trung tá N.N.M

Các Hội thẩm quân nhân:

Trung tá L.V.Đ

Thượng tá N.C.T

Trung tá L.V.T

- Thư ký phiên tòa: Thượng úy M.T.T và Trung úy Đ.N.T,
Thư ký Tòa án quân sự Quân chủng Hải quân.

*- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Quân chủng Hải quân tham gia phiên
tòa:* Thượng tá N.Đ.C và Trung tá N.V.T, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 23/8/2024 tại Phòng xử án, Tòa án quân sự Quân chủng Hải quân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2024/TLST-HS ngày 26/6/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 04/7/2024 đối với các bị cáo:

1. V.T.N.H, tên gọi khác: Không, sinh ngày 27/10/1987 tại thành phố H.P; nơi cư trú: 83B/44 L.Đ, phường Đ.H, quận H.A, thành phố H.P; nghề nghiệp: Bộ đội; trình độ văn hoá: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông V.D và bà V.T.S; có chồng là T.M.H và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt hành chính hay xử lý kỷ luật; bị cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 03/10/2022 đến nay; có mặt.

2. N.V.K, tên gọi khác: Không, sinh ngày 01/01/1987 tại thành phố H.P; nơi cư trú: Số 20/469 N.L.B, phường V.Đ, quận K.A, thành phố H.P; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.H.Đ và bà N.T.T; có vợ là P.T.T và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền

3. P.T.T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 20/8/1987 tại thành phố H, nơi cư trú: Số 20/469 N.L.B, phường V.Đ, quận K.A, thành phố H ; nghề nghiệp: Kế toán; trình độ văn hoá: Đại học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông P.V.C và bà B.T.N ; có chồng là N.V.K và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2016, con nhỏ nhất sinh năm 2022); tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử phạt hành chính hay xử lý kỷ luật; bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/5/2023 đến nay; có mặt.

4. L.Đ.P, tên gọi khác: Không, sinh ngày 11/4/1990 tại tỉnh
; nơi cư trú: Số 38/191 L.L, phường G.V, quận N.Q, thành phố H
; nghề nghiệp: Kinh doanh bảo hiểm; trình độ văn hoá: Đại học;
dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông
L.D.T và bà N.T.M ; có vợ là N.T.L và 02 con (con
lớn nhất sinh năm 2019, con nhỏ nhất sinh năm 2020); tiền án: Không, tiền sự:
Không; nhân thân: Ngày 10/7/2009 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 06
tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài
sản” đã được xóa án tích; chưa bị xử phạt hành chính hay xử lý kỷ luật; bị tạm
giam từ ngày 28/4/2023 đến ngày 06/12/2023, bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày
06/12/2023 đến nay; có mặt.

1. Ông Đ.Đ.B và ông P.Q.B, Luật sư, Công ty Luật TNHH B.N thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, bào chữa cho bị cáo V.T.N.H, vắng mặt.

3. Ông Đ.H.S, Luật sư, Văn phòng luật sư T.H.V thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, bào chữa cho bị cáo V.T.N.H, có mặt.

5. Ông V.T.C, Luật sư, Văn phòng luật sư N.N thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, bào chữa cho bị cáo L.Đ.P, có mặt.

- Bị hại:

1. Tổng Công ty B ; địa chỉ: Tầng 37, Tòa nhà K
, đường P.H , phường M.T , quận N.T.L
, thành phố H .

Người đại diện: Ông P.N.S , Tổng Giám đốc

Ủy quyền cho Văn phòng luật sư T.L.G , do ông
L.P.T, Trưởng Văn phòng làm đại diện tham gia phiên tòa, có mặt.

2. Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P ; địa chỉ: Tầng
25, Tòa nhà S , số 37 đường T.Đ.T , phường B.N , Quận **,
thành phố H

Người đại diện: Ông P.T.M , Tổng Giám đốc

Ủy quyền cho Văn phòng luật sư T.L.G , do ông
L.P.T, Trưởng Văn phòng làm đại diện tham gia phiên tòa, có mặt.

3. Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ D ; địa chỉ: Tòa nhà
D , số 149-151 N.V.T , phường **, quận P.N , thành
phố H

Người đại diện: Ông T.Đ.Q , Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám
đốc.

Ủy quyền cho Văn phòng luật sư T.L.G , do ông
L.P.T, Trưởng Văn phòng làm đại diện tham gia phiên tòa, có mặt.

4. Công ty TNHH Bảo hiểm H ; địa chỉ: Tầng 14, Tòa
nhà ** , phường ** , Quận **, thành phố H

Người đại diện: Ông H.J.H , Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám
đốc.

Ủy quyền cho Văn phòng luật sư T.L.G , do ông
L.P.T, Trưởng Văn phòng làm đại diện tham gia phiên tòa, có mặt.

5. Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ F ; địa chỉ: Tầng 11,
Tòa nhà D , số ** L.D , phường B.N , Quận **, thành phố
H

Người đại diện: Ông A.S , Tổng Giám đốc

Ủy quyền cho Văn phòng luật sư T.L.G do ông
L.P.T, Trưởng Văn phòng làm đại diện tham gia phiên tòa, có mặt.

• - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ M (trước đây là Công ty TNHH
Bảo hiểm nhân thọ A); địa chỉ: Tầng 13, Tòa nhà M , số 229
T.S, quận Đ.Đ , thành phố H .

Người đại diện: ông Đ.V.Đ , Tổng Giám đốc

Ủy quyền cho Văn phòng luật sư T.L.G, do ông L.P.T, Trưởng Văn phòng làm đại diện tham gia phiên tòa, có mặt.

2. Tổng công ty Bảo hiểm B, địa chỉ: Số ** L.T.K, quận H.K, thành phố H.

Người đại diện: Ông N.X.V, Tổng Giám đốc

Ủy quyền cho: ông P.T.Đ và bà T.T.V.A, V.T.T N.T.P.T tham gia phiên tòa, có mặt.

3. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ C địa chỉ: Số ** P.H.T, phường B.T, quận**, thành phố H

Người đại diện: Ông L.H.Y, Tổng Giám đốc.

Ủy quyền cho Văn phòng luật sư T.L.G, do ông L.P.T, Trưởng Văn phòng làm đại diện tham gia phiên tòa, có mặt.

4. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ G, địa chỉ ** - ** , phường V.T.S, quận**, thành phố H.

Người đại diện: Bà N.P.A, Tổng Giám đốc

Ủy quyền cho Văn phòng luật sư T.L.G, do ông L.P.T, Trưởng Văn phòng làm đại diện tham gia phiên tòa, có mặt.

5. Công ty TNHH Bảo hiểm L, địa chỉ: Tầng 18 Tòa nhà V, số** L.T.T, phường B.N, quận**, thành phố H.

Người đại diện: Bà T.T.T.N, Tổng giám đốc

Ủy quyền cho Văn phòng luật sư T.L.G, do ông L.P.T, Trưởng Văn phòng làm đại diện tham gia phiên tòa, có mặt.

6. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ M, địa chỉ: Tầng 15 Tòa nhà ** C.L, phường C.L, quận Đ.Đ, thành phố H.

Người đại diện: Ông B.T.K, Tổng Giám đốc

Ủy quyền cho Văn phòng luật sư T.L.G, do ông L.P.T, Trưởng Văn phòng làm đại diện tham gia phiên tòa, có mặt.

7. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ M, địa chỉ: Số ** H.V.T, phường T.P, quận**, thành phố H.

Người đại diện: Bà T.N – Tổng Giám đốc, vắng mặt

8. Tổng công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP C, địa chỉ: Tầng 10 -11, Tòa nhà ** Đ.C, phường Đ.C, quận B.Đ, thành phố H.

Người đại diện: Bà B.T.T.X, Phó Tổng Giám đốc

Ủy quyền cho Văn phòng luật sư T.L.G, do ông L.P.T, Trưởng Văn phòng làm đại diện tham gia phiên tòa, có mặt.

9. Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ S , địa chỉ: Tầng 29
Tòa nhà V , số ** C.T.M.L , phường B.N , quận **,
thành phố H

Người đại diện: Ông L.T.N , Tổng Giám đốc, vắng mặt.

10. Ông T.M.H , năm sinh: 1984, nơi cư trú: 83B/44
L.D, phường Đ.H , quận H.A , thành phố H.P , có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

+ Ông L.P.T và ông N.Đ.K , Luật sư, Văn phòng luật sư
T.L.G thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, là người bảo vệ quyền
và lợi ích hợp pháp của các bị hại; có mặt.

+ Bà L.T.H.G , Luật sư, Văn phòng luật sư T.L.G
thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp
của các bị hại; vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ
liên quan đến vụ án:

+ Ông N.D.L và ông M.T.D Luật sư, Văn phòng luật sư
T.L.G thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, bảo vệ quyền và lợi ích
hợp pháp của các công ty: Công ty TNHH M , Công ty TNHH Bảo hiểm nhân
thọ C , Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ G ,
Công ty TNHH Bảo hiểm L , Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ M
, Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP C
; có mặt.

+ Ông B.V.T , Luật sư, Văn phòng luật sư T.L.G thuộc
Đoàn luật sư thành phố Hà Nội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các công ty:
Công ty TNHH M , Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ C ,
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ G , Công ty TNHH Bảo
hiểm L , Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ M , Tổng công ty cổ
phần Bảo hiểm Ngân hàng TMCP C ; vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Đ.X.H , chị T.T.H , chị N.T.N , có mặt.

+ Các anh N.Đ.L , H.V.T và các chị: N.T.T ,
N.T.T.U , N.T.D , B.N.A , L.T.N.H ,
P.T.X , C.T.B.H , N.T.T , Đ.T.H ,
N.T.H , vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung
vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi của V.T.N.H

, N.V.K

và P.T.T

Ngày 06/9/2019, N.V.K đến khám bệnh tại Bệnh viện Trung ương X (Bệnh viện X) và được chuẩn đoán: “TD K tuyến giáp thể nhũ (theo dõi ung thư tuyến giáp thể nhũ); Có chỉ định phẫu thuật ...”. Do muốn kiểm tra kỹ, K ở lại để hôm sau khám lại nên gọi điện thông báo kết quả khám cho vợ là P.T.T. Khi được thông báo, T rất lo lắng nên đã gọi điện cho V.T.N.H để hỏi về bệnh ung thư tuyến giáp. T được H tư vấn: Bệnh ung thư tuyến giáp phải điều trị lâu dài để tránh di căn, nên mua bảo hiểm cho K để có tiền chữa bệnh; muốn mua bảo hiểm phải sửa thông tin cá nhân của K đã đăng ký khám tại Bệnh viện X để tránh các công ty bảo hiểm phát hiện K bị ung thư tuyến giáp; họ sẽ không phát hành hợp đồng bảo hiểm hoặc không thanh toán quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng đã được cơ sở y tế chuẩn đoán ung thư trong vòng 90 ngày kể từ ngày phát hành hợp đồng và H sẽ nhờ người giúp K và T sửa thông tin cá nhân của K tại Bệnh viện X.

Sáng ngày 07/9/2019, H và T thuê xe ô tô của N.D.L đi từ Hải Phòng lên Bệnh viện X. Trên đường đi, thấy H gọi điện cho một số người để nhờ sửa thông tin cá nhân của K, L đã giới thiệu và cho H số điện thoại của N.T.T, làm dịch vụ chăm sóc người bệnh tại Bệnh viện X để nhờ giúp. H gọi điện cho T để nhờ và được T đồng ý. Khi gặp nhau tại Bệnh viện X, T đưa K đến khu vực khám dịch vụ và nói với N.T.T.U - nhân viên tiếp đón và N.T.D - nhân viên tài chính về việc trong phiếu khám bệnh ngày 06/9/2019 của K bị sai tên, nay đề nghị sửa lại và được U, D đồng ý sửa trên máy tính thông tin đăng ký khám bệnh từ N.V.K, sinh năm 1987 thành N.V.K', sinh năm 1988.

Sau khi thay đổi thông tin khám bệnh, V.T.N.H, N.V.K và P.T.T thống nhất sẽ mua bảo hiểm cho K tại nhiều công ty bảo hiểm. H hướng dẫn việc mua bảo hiểm tại Công ty A do H là tư vấn viên. Đối với các công ty khác, H sẽ liên hệ với tư vấn viên làm thủ tục và nộp phí mua bảo hiểm. Từ ngày 17/9/2019 đến 19/02/2020, N.V.K, V.T.N.H đã lập 27 hồ sơ yêu cầu bảo hiểm cho N.V.K tại 16 công ty bảo hiểm và đã được phát hành 19 hợp đồng bảo hiểm. Khi một số hợp đồng đến hạn được thanh toán, V.T.N.H và N.V.K thống nhất làm hồ sơ yêu cầu bảo hiểm mức cao tại Tổng Công ty B để được chỉ định kiểm tra sức khỏe nhằm hợp thức việc K phát hiện ung thư tuyến giáp để đi mổ, điều trị và làm hồ sơ yêu cầu thanh toán quyền lợi bảo hiểm. Nhận được hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của N.V.K, Tổng Công ty B chỉ định kiểm tra sức khỏe tại Bệnh viện H. Ngày 22/02/2020, N.V.K đến khám và được xác định có bướu nhân thùy giáp phải. Từ ngày 24/02/2020 đến ngày 03/3/2020

N.V.K điều trị tại Bệnh viện Y - Cơ sở Tân Triều, sau khi ra viện
N.V.K và V.T.N.H lập hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi
bảo hiểm gửi các công ty bảo hiểm để được chi trả.

Cụ thể, N.V.K, V.T.N.H và P.T.T cùng
thống nhất làm 07 hồ sơ yêu cầu bảo hiểm tại 03 công ty là Tổng Công ty B
, Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ A và Công ty
TNHH Bảo hiểm nhân thọ M và đã được 03 công ty phát hành
04 hợp đồng bảo hiểm. Trong đó có 01 hợp đồng bảo hiểm số 569627216 ngày
25/10/2019 đã được Tổng Công ty B thanh toán quyền lợi bảo
hiểm số tiền 117.600.000 đồng; các hồ sơ còn lại bị hủy, chấm dứt hợp đồng
hoặc đình chỉ thực hiện hợp đồng.

Ngoài các hồ sơ yêu cầu bảo hiểm đã thống nhất cùng N.V.K
và P.T.T nói trên, V.T.N.H còn thỏa thuận với K và
T : H đầu tư, bỏ tiền đóng phí mua bảo hiểm cho K, nếu hợp đồng
được chấp nhận thanh toán, K sẽ được hưởng lợi theo tỷ lệ 50% trên số tiền
công ty bảo hiểm chi trả và được K, T đồng ý. Sau đó, V.T.N.H
đã trực tiếp liên hệ với tư vấn viên của các công ty bảo hiểm để lập 20 hồ sơ
yêu cầu bảo hiểm đứng tên người mua là N.V.K, còn H là người
đóng phí nhằm được hưởng số tiền do các công ty bảo hiểm chi trả theo thỏa
thuận. Trong đó, có 04 công ty đã thanh toán quyền lợi bảo hiểm cho 06 hợp
đồng bảo hiểm với tổng số tiền là 3.705.200.000 đồng. Toàn bộ số tiền trên
được thanh toán vào hai số tài khoản ngân hàng do H quản lý, sử dụng. Cụ thể:

- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P thanh toán 02
hợp đồng bảo hiểm số 74554502 ngày 30/10/2019 và số 74572564 ngày
15/11/2019 với số tiền là 1.005.200.000 đồng.

- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ F thanh toán 01 hợp
đồng bảo hiểm số 31367107 ngày 19/9/2019 với số tiền là 500.000.000 đồng.

- Công ty TNHH Bảo hiểm H thanh toán 01 hợp
đồng bảo hiểm số 0004002444 ngày 28/10/2019 với số tiền là 1.000.000.000
đồng.

- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ D thanh toán 02
hợp đồng bảo hiểm số 3015133 và 3021288 ngày 21/11/2019 với số tiền là
1.200.000.000 đồng.

Các hợp đồng bảo hiểm còn lại bị hủy, tạm dừng hoặc từ chối chi trả
quyền lợi bảo hiểm.

Số tiền 3.705.200.000 đồng do 04 công ty bảo hiểm thanh toán, K và
T được H chia cho 1.530.000.000 đồng. Trong đó, hợp đồng với Công ty
H được hưởng 80.000.000 đồng, hợp đồng với Công ty F được
hưởng 100.000.000 đồng, hợp đồng với Công ty P được hưởng
1.000.000.000 đồng, hợp đồng với Công ty D được hưởng 350.000.000
đồng.

Như vậy, với 07 hợp đồng được thanh toán quyền lợi bảo hiểm, các bị cáo V.T.N.H , N.V.K và P.T.T đã chiếm đoạt của 05 công ty bảo hiểm số tiền là 3.822.800.000 đồng. K và T hưởng lợi số tiền là 1.647.600.000 đồng và H hưởng lợi số tiền 2.175.200.000 đồng.

2. Hành vi của L.Đ.P

Ngày 27/9/2019, N.V.K , P.T.T và V.T.N.H đến Công ty TNHH Đại lý Bảo hiểm H để tìm hiểu và mua bảo hiểm nhân thọ của Tổng Công ty B . Sau khi được L.T.N.H H - Giám đốc Công ty TNHH Đại lý Bảo hiểm H , Đ.X.H - Trưởng nhóm tư vấn trực tiếp tư vấn về sản phẩm “An phát cát tường - Đóng phí định kỳ” của Tổng Công ty B , đã ký hồ sơ yêu cầu tham gia bảo hiểm số 196181284 và chuyển khoản số tiền 25 triệu đồng cho L.T.N.H để đóng phí bảo hiểm. Ngày 28/9/2019, T.T.H – Phụ trách bộ phận Dịch vụ khách hàng, Công ty TNHH Đại lý Bảo hiểm lập Giấy yêu cầu kiểm tra sức khỏe đối với N.V.K ở mức K6 gồm khám y khoa, siêu âm (ổ bụng, tim, tinh hoàn, tuyến giáp), điện tim, xét nghiệm nước tiểu, xét nghiệm máu mức 4 (công thức máu, Cholesterol, Triglycerid, LDL-C, HDL-C, SGOT, SGPT, GGT, Glucose, HbsAg, Creatinin, Ure, Bilirubin, Acid Uric, HIV, AFP), X-quang tim phổi và phân công L.Đ.P – Phụ trách kinh doanh, Công ty TNHH Đại lý Bảo hiểm H thực hiện việc giám sát kiểm tra sức khỏe của K tại Bệnh viện Đa khoa H.P.

Sáng ngày 08/10/2019, N.V.K đến khám tại Bệnh viện Đa khoa H.P . Kết quả xét nghiệm sinh hóa máu có chỉ số định lượng Triglycerid là 3.16 (chỉ số bình thường là 0.46-1.88), chỉ số định lượng Acid Uric là 452 (chỉ số bình thường là 150-420). Thấy các chỉ số xét nghiệm sinh hóa máu của K không đạt mức bình thường nên L.Đ.P đã đến gặp B.T.N.A - nhân viên tiếp nhận người kiểm tra sức khỏe, Bệnh viện Đa khoa H.P xin tạm dừng tổng hợp kết quả khám của N.V.K , tạo điều kiện cho K khám lại vào ngày khác. Vì biết P là đại diện của Tổng Công ty B thực hiện việc giám sát kiểm tra sức khỏe của K nên B.T.N.A đã đồng ý. Sau khi về nhà sử dụng thuốc để điều trị, ngày 21/10/2019, N.V.K đến Bệnh viện Đa khoa H.P xét nghiệm lại và có kết quả bình thường, được kết luận đạt sức khỏe loại 2 và được Tổng Công ty B chấp nhận, làm thủ tục phát hành hợp đồng bảo hiểm.

Sau khi Bệnh viện Đa khoa H.P trả kết quả kiểm tra sức khỏe của K cho Công ty TNHH Đại lý Bảo hiểm H , V.T.N.H đã liên hệ và được L.Đ.P cung cấp bản photo kết quả khám sức khỏe của K để sử dụng làm 15 hồ sơ yêu cầu bảo hiểm cho N.V.K tại 10 Công ty bảo hiểm khác.

• Trong quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ vật chứng và tài sản liên quan, cụ thể:

Tạm giữ đồ vật, tài liệu có liên quan đến bị cáo N.V.K gồm: 01 CPU máy tính đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 11 số sê-ri F2L***** kèm theo sim điện thoại số 090***** và số 093*****; 01 điện thoại Iphone 12 Pro màu ghi xám, số sê-ri DNP***** , dung lượng 128GB đã qua sử dụng; 01 mẫu tiêu bản sinh thiết tế bào của bệnh nhân N.V.K' , số hồ sơ 19889803; 02 đĩa DVD lưu trữ dữ liệu trích xuất từ CPU máy tính và điện thoại Iphone 11; 01 đĩa DVD lưu trữ dữ liệu trích xuất từ máy điện thoại Iphone 11 số sê-ri F2L***** kèm theo sim điện thoại số 090***** và số 093***** ; 01 đĩa DVD lưu trữ dữ liệu trích xuất từ máy điện thoại Iphone 12 Pro màu ghi xám, số sê-ri DNP***** ; Căn cước công dân số 031***** mang tên N.V.K do Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 10/4/2017 và một số tài liệu liên quan đến hồ sơ bảo hiểm của

Tạm giữ đồ vật, tài liệu có liên quan đến bị cáo V.T.N.H gồm: 01 điện thoại Oppo A83, màu hồng nhạt, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 869***** , số IMEI 2: 869***** và một số tài liệu liên quan đến hồ sơ bảo hiểm của N.V.K

Tạm giữ đồ vật, tài liệu có liên quan đến bị cáo L.Đ.P gồm: 01 điện thoại Iphone 14 ProMax màu tím đã qua sử dụng có số IMEI 1: 355***** và số IMEI 2: 355***** kèm theo sim điện thoại mã số 898***** và 157***** ; Căn cước công dân số 035***** mang tên L.Đ.P do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 29/5/2021.

Tại phiên tòa, bị cáo H , K , T đều thừa nhận: Sau khi bị cáo K đi khám bệnh tại Bệnh viện X và được chẩn đoán nghi ngờ ung thư tuyến giáp, bị cáo H đã trao đổi, bàn bạc với K , T sửa đổi thông tin khám bệnh của K tại Bệnh viện X , sau đó thống nhất mua bảo hiểm cho K tại nhiều công ty bảo hiểm. H , K , T cùng thống nhất làm 07 hồ sơ yêu cầu bảo hiểm tại 03 công ty, trong đó 01 hợp đồng được Tổng công ty B thanh toán quyền lợi bảo hiểm số tiền 117.600.000 đồng. H còn thỏa thuận với K , T tự đầu tư, đóng phí bảo hiểm mua hợp đồng bảo hiểm cho K , nếu hợp đồng được chấp nhận thanh toán, K sẽ được hưởng 50% số tiền các công ty bảo hiểm chi trả. H đã trực tiếp liên hệ tư vấn viên lập 20 hồ sơ yêu cầu bảo hiểm đứng tên người mua là N.V.K , trong đó có 04 công ty thanh toán quyền lợi bảo hiểm cho 06 hợp đồng bảo hiểm số tiền 3.705.200.000 đồng. Tổng cộng có 05 công ty thanh toán quyền lợi bảo hiểm theo 07 hợp đồng bảo hiểm với số tiền là 3.822.800.000 đồng, trong đó K và T được hưởng lợi số tiền 1.647.600.000 đồng, H được hưởng lợi số tiền 2.175.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo P khai: Bị cáo thực hiện nhiệm vụ giám sát bị cáo N.V.K kiểm tra sức khỏe tại Bệnh viện Đa khoa H.P theo sự phân công của Văn phòng B . Khi thấy kết quả xét nghiệm máu của bị cáo K có một số chỉ số xét nghiệm cao nên tạm dừng kết luận, đồng ý cho bị cáo K đi khám lại lần sau để lấy kết quả tốt hơn. Bị cáo đồng ý không sử dụng kết quả xét nghiệm máu của bị cáo K ngày 08/10/2019 mà cho bị cáo K đi khám lại lần khác là do bị cáo muốn tạo điều kiện cho bị cáo K được ký hợp đồng bảo hiểm nhanh chóng, không phải đóng thêm các khoản phí khác.

Tại phiên tòa, người làm chứng Đ.X.H khai: Khoảng 18 giờ 00 ngày 27/9/2019, H và vợ chồng K, T đến trụ sở Công ty TNHH Đại lý Bảo hiểm H . Lúc đó, chị L.T.N.H, tôi và vợ tôi (N.T.N) cùng tham gia tư vấn mua bảo hiểm cho H và vợ chồng K, T .

Tại cơ quan điều tra, người làm chứng C.T.B.H khai: P giới thiệu cho tôi khách hàng tên T . Tôi liên lạc với T thì được T cho biết muốn mua bảo hiểm cho chồng tên là K . Sau đó, T cho tôi một số điện thoại có sử dụng ứng dụng zalo và bảo tôi liên lạc qua zalo để giao dịch. Tôi thấy số điện thoại mà T cho tôi sử dụng để giao dịch chỉ gặp người sử dụng zalo mang tên "H ".

Tại cơ quan điều tra, người làm chứng N.T.T khai: Tôi tư vấn làm hồ sơ yêu cầu bảo hiểm cho N.V.K bằng hình thức online. Tôi chỉ giao dịch làm thủ tục với chị H qua mạng. Tôi gửi mẫu thủ tục văn bản qua mạng cho chị H . Sau đó, chị H in ra giấy, hoàn thiện chữ ký của anh K rồi gửi cho tôi qua xe khách Hải Phòng – Hà Nội.

Tại cơ quan điều tra, người làm chứng N.T.H khai: Tôi được P giới thiệu gặp bạn H . Tôi có liên hệ tới số điện thoại của anh K do H cung cấp là 098***** (số điện thoại của chồng H) thì người nghe điện thoại nói rằng cứ làm việc, trao đổi với H .

Tại cơ quan điều tra, người làm chứng N.T.H khai: Tôi dùng mạng xã hội Facebook kết bạn với nick Facebook có tên là " V.H ", sau đó tôi được biết tên là H . Chị H nói muốn mua bảo hiểm cho chồng là anh N.V.K .

Tại cơ quan điều tra, người làm chứng B.T.N.A khai: Sau khi bệnh nhân khám bệnh xong thì các bộ phận chuyên môn chuyển lại kết quả khám bệnh cho tôi để tôi tổng hợp. Tuy nhiên, do kết quả xét nghiệm máu của bệnh nhân K có chỉ số cao nên anh P là giám sát của B.V.N.T.H.P đã liên hệ với tôi để dừng tổng hợp kết quả khám bệnh với lý do bệnh nhân đã ăn uống, ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Tôi đồng ý dừng tổng hợp, giữ lại kết quả khám bệnh của N.V.K, để bệnh nhân về và trở lại khám khi có yêu cầu.

Tại phiên tòa, ông T.M.H khai: Tài khoản số 2510***** tại Ngân hàng TMCP Q là của tôi nhưng từ khi hai vợ chồng cưới nhau năm 2017, tôi giao cho vợ tôi toàn quyền sử dụng.

Đại diện theo ủy quyền của các bị hại đề nghị buộc các bị cáo trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho 05 doanh nghiệp là bị hại trong vụ án với tổng số tiền là 3.822.800.000 đồng và buộc các bị cáo công khai xin lỗi các doanh nghiệp là bị hại trong vụ án theo quy định tại khoản 2, Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Tổng công ty B không có yêu cầu, đề nghị gì vì công ty chưa bị thiệt hại.

Bản kết luận giám định pháp y về ADN số 301/21/TC-ADN ngày 07/07/2021 của Viện pháp y Quốc gia, Bộ Y tế đối với mẫu tiêu bản sinh thiết tế bào trên lam kính của bệnh nhân tên N.V.K, sinh năm 1988, tại Bệnh viện X và mẫu tóc của N.V.K kết luận: “ADN thu từ mẫu tế bào trên lam kính gửi giám định (trên lam kính ghi “Y650 K”) trùng khớp hoàn toàn với ADN của N.V.K (người có mẫu tóc gửi giám định)”.

Kết luận giám định số 4243/KL –KTHS ngày 31/8/2022 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an xác định:

N.V.K ký trên Giấy yêu cầu bảo hiểm số 196181824 ngày 27/9/2019; giấy nộp phí bảo hiểm số 0555722 ngày 27/9/2019; xác nhận về việc kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm ngày 27/9/2019; tài liệu minh họa hợp đồng bảo hiểm ngày 27/9/2019; xác nhận bên mua bảo hiểm ngày 25/10/2019; bản giao nhận hợp đồng số 569627216 ngày 30/10/2019; giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm của hợp đồng số 569627216 ngày 11/3/2020 của Tổng công ty B

N.V.K không ký tên trên các tài liệu: Bản kế hoạch tài chính gia đình ngày 27/9/2019; Giấy nộp phí bảo hiểm số 0777632 ngày 19/2/2020; Giấy yêu cầu bảo hiểm số 206324962 ngày 19/02/2020; tài liệu minh họa hợp đồng bảo hiểm ngày 19/02/2020; xác nhận về việc kê khai giấy yêu cầu bảo hiểm ngày 19/02/2020; bản kế hoạch tài chính gia đình ngày 19/02/2020 của Tổng công ty B

V.T.N.H viết nội dung thông tin cá nhân của N.V.K trên Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm ngày 11/3/2020 của Tổng công ty B.

Kết luận giám định số 4242/KL –KTHS ngày 31/8/2022 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an xác định: N.V.K không ký và V.T.N.H

không viết Đơn đề nghị ngày 08/11/2019 gửi Công ty P, các mẫu cần giám định còn lại là bản sao nên không có giá trị để kết luận giám định.

Kết luận giám định số 4838/KL –KTHS ngày 21/11/2022 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an xác định:

- N.V.K không ký trên các tài liệu hồ sơ Hợp đồng bảo hiểm số 74554502 và 74573114 của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ P

- V.T.N.H viết họ tên N.V.K dưới mục “Chữ ký bên mua bảo hiểm” trên Giấy xác nhận của bên mua bảo hiểm ngày 22/11/2019 với đại lý Công ty P

Kết luận giám định số 5256/KL –KTHS ngày 31/8/2022 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an xác định:

- Chữ ký ở mục “Người được kiểm tra” tại trang 3 Hồ sơ kiểm tra sức khỏe số 196181824 của TCT B là do N.V.K ký ra.

- Chữ viết “196181824”, “N.V.K (K6)” tại trang 1; các chữ viết “N.V.K”, “Nam”, “01/01/1987”, “091 .***.***”, “031*****”, “10/4/2017”, “CCS” tại trang 2 trong Hồ sơ kiểm tra sức khỏe số 196181824 của TCT B là do L.Đ.P viết.

Kết luận giám định số 4241/KL– KTHS ngày 30/9/2022 của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an xác định:

- N.V.K ký Yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm ngày 12/3/2020, theo Hợp đồng bảo hiểm số 3021288 với Công ty D

N.V.K không ký ra chữ ký đứng tên N.V.K trên các tài liệu còn lại trong hồ sơ bảo hiểm của các công ty: Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ D, Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ F và Công ty TNHH Bảo hiểm H

- V.T.N.H viết họ tên N.V.K trên Bảng minh họa quyền lợi sản phẩm bảo hiểm và nội dung thông tin của N.V.K trên Yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm ngày 12/3/2020 gửi Công ty D; viết nội dung thông tin cá nhân của N.V.K trên Phiếu yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm ngày 11/3/2020 gửi Công ty F; viết nội dung thông tin của N.V.K trên Phiếu yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm; viết họ tên N.V.K trên Giấy xác nhận bàn giao Hợp đồng ngày 06/11/2019, thư xác nhận việc sử dụng hồ sơ yêu cầu bảo hiểm điện tử ngày 10/10/2019 và một số tài liệu khác trên hồ sơ của Công ty H

Về bồi thường thiệt hại: Bị cáo N.V.K và bị cáo P.T.T đã nộp lại toàn bộ số tiền được hưởng lợi từ hành vi phạm tội là 1.647.600.000 đồng để bồi thường thiệt hại. Bị cáo H đã nộp 1.500.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại. Bị cáo P đã nộp 20.000.000 đồng để bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số 688/CT-VKS-P1 ngày 27/11/2023 của Viện kiểm sát quân sự Trung ương đã truy tố các bị cáo V.T.N.H, N.V.K, P.T.T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a

khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và bị cáo L.Đ.P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tranh luận tại phiên toà: Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với các bị cáo V.T.N.H, N.V.K, P.T.T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự và bị cáo L.Đ.P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân của các bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Về hình sự:** Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 174; khoản 1 Điều 17, Điều 38; các điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo V.T.N.H từ 13 đến 14 năm tù. Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 174; khoản 1 Điều 17, Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo N.V.K 07 năm tù. Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 174; khoản 1 Điều 17, các điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo P.T.T 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm. Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 174, khoản 1, Điều 17; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo L.Đ.P 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5, Điều 174 và Điều 41 Bộ luật Hình sự cấm bị cáo V.T.N.H và L.Đ.P làm công việc liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm từ 02 năm đến 03 năm.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự.

+ Buộc các bị cáo V.T.N.H, N.V.K, P.T.T, L.Đ.P phải liên đới bồi thường cho Tổng Công ty B số tiền 117.600.000 đồng. Ghi nhận bị cáo N.V.K, P.T.T đã tự nguyện bồi thường 117.600.000 đồng, bị cáo L.Đ.P tự nguyện bồi thường 20.000.000 đồng; còn thừa 20.000.000 đồng. Các bị cáo N.V.K, P.T.T và L.Đ.P tự nguyện sử dụng số tiền trên (20.000.000 đồng) bồi thường thay cho bị cáo H.

+ Buộc các bị cáo V.T.N.H, N.V.K, P.T.T phải liên đới bồi thường thiệt hại cho 04 bị hại tổng số tiền 3.705.200.000 đồng, cụ thể: Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P số tiền 1.005.200.000 đồng, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ D số tiền 1.200.000.000 đồng, Công ty TNHH Bảo hiểm H số tiền 1.000.000.000 đồng, Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ F số tiền 500.000.000 đồng. Trong đó, bị cáo H phải bồi thường 2.175.200.000 đồng, đã bồi thường 1.520.000.000 đồng, còn phải bồi thường 655.200.000

đồng. Bị cáo N.V.K và P.T.T phải bồi thường 1.530.000.000 đồng. Ghi nhận bị cáo N.V.K và P.T.T đã tự nguyện bồi thường xong 1.530.000.000 đồng.

- *Về xử lý vật chứng:* Đề nghị áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 CPU máy tính đã qua sử dụng, 01 điện thoại Iphone 11 số seri F2L***** của bị cáo N.V.K. Áp dụng điểm a, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, trả lại cho bị cáo V.T.N.H 01 điện thoại Oppo A83, số IMEI 1: 869***** , số IMEI 2: 869***** nhưng tạm giữ điện thoại của bị cáo để đảm bảo thi hành án; trả lại cho bị cáo N.V.K 01 điện thoại Iphone 12 Pro, số seri DNP***** ,

dung lượng 128GB và 01 căn cước công dân số 031***** do Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 10/4/2017; trả lại cho bị cáo

L.Đ.P : 01 điện thoại Iphone 14 ProMax có số IMEI 1: 355***** và số IMEI 2: 355***** kèm theo sim điện thoại mã số 898***** và 157***** ; 01 căn cước công dân số 035***** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/05/2021. Áp dụng điểm a, khoản 1 Điều 47; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy 02 sim điện thoại số 090***** và số 093***** của bị cáo N.V.K

. Áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, trả lại cho Bệnh viện X 01 mẫu tiêu bản sinh thiết tế bào của bệnh nhân N.V.K' , số hồ sơ 19889803. Lưu đính kèm hồ sơ vụ án 02 đĩa DVD lưu trữ dữ liệu trích xuất từ CPU máy tính và điện thoại Iphone 11; 01 đĩa DVD lưu trữ dữ liệu trích xuất từ máy điện thoại Iphone 11 số sê-ri F2L***** ; 01 đĩa DVD lưu trữ dữ liệu trích xuất từ máy điện thoại Iphone 12 Pro, số sê-ri DNP***** . 03 USB lưu các file ghi âm mẫu so sánh giọng nói V.T.N.H và N.V.K .

- *Về biện pháp cưỡng chế:* Tiếp tục phong tỏa tài khoản của các bị cáo đã bị phong tỏa trong quá trình điều tra để bảo đảm thi hành án.

- *Về án phí:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo V.T.N.H phải chịu 30.208.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- *Về các vấn đề khác:* Đối với Công văn số 348/ĐTHS-P1 và số 349/ĐTHS-P1 ngày 06/10/2022; Công văn số 375/ĐTHS-P1 và 376/ĐTHS-P1 ngày 18/11/2022 của Cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc phòng về việc cung cấp thông tin và tạm dừng giao dịch bất động sản, tài sản gắn liền với đất đứng tên

N.V.K , P.T.T và V.T.N.H , T.M.H . Khi nào bị cáo H nộp tiền khắc phục xong hậu quả thì có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền thông báo hủy bỏ nội dung đề nghị tạm dừng giao dịch bất động sản, tài sản gắn liền với đất của các văn bản trên.

Bào chữa cho bị cáo V.T.N.H , luật sư cho rằng: Bị cáo H không phải là người chủ mưu, khởi xướng. Bị cáo K bị nghi ngờ ung thư tuyến

giáp, chưa có kết luận chính xác về việc bị ung thư. Không thể kết luận bị cáo H điền thông tin sai lệch vào hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, bị cáo cũng không có trách nhiệm phải thông báo dấu hiệu bệnh của K cho các tư vấn viên. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá nặng.

Bị cáo H nhất trí với quan điểm của luật sư và cho rằng: Bị cáo không phải là người đề xuất mua bảo hiểm mà chỉ đưa ra lời khuyên đối với bị cáo K và bị cáo T. Khi ký kết hợp đồng, bị cáo không có sự gian dối vì bị cáo chỉ biết bị cáo K bị nghi ngờ ung thư tuyến giáp. Bị cáo chỉ có hành vi cung cấp sai thông tin khi kê khai yêu cầu chi trả bảo hiểm. Hành vi của bị cáo cấu thành tội "*Gian lận trong kinh doanh bảo hiểm*" theo Điều 213 Bộ luật Hình sự. Mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là quá cao, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Bào chữa cho bị cáo K và bị cáo T, luật sư cho rằng: Bị cáo K chỉ được kết luận nghi ngờ ung thư tuyến giáp, các bị cáo không kê khai gian dối khi yêu cầu tham gia bảo hiểm.

Bị cáo N.V.K nhất trí với quan điểm của luật sư và cho rằng: Bị cáo chỉ được kết luận nghi ngờ, có dấu hiệu bị ung thư tuyến giáp. Khi kê khai hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, câu hỏi kê khai có bị bệnh ung thư hay không nên bị cáo không kê khai chứ bị cáo không gian dối trong quá trình làm hồ sơ yêu cầu tham gia bảo hiểm.

Bị cáo T cho rằng: Trong quá trình làm hồ sơ yêu cầu tham gia bảo hiểm, bị cáo đều nói rõ tình trạng bệnh của bị cáo K đối với tư vấn viên; bị cáo không trực tiếp kê khai các hồ sơ yêu cầu tham gia bảo hiểm.

Bào chữa cho bị cáo P, luật sư cho rằng: Bị cáo P chỉ là vô tình giúp đỡ người khác, không nhằm mục đích trục lợi. Việc làm của bị cáo không làm thay đổi kết quả siêu âm tuyến giáp, phát hiện bệnh ung thư; không làm thay đổi có được ký kết hợp đồng bảo hiểm hay không mà chỉ làm giảm chi phí khi tham gia bảo hiểm. Bị cáo không chuyển kết quả khám bệnh của N.V.K cho ai. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo bằng thời gian đã tạm giam.

Bị cáo P cho rằng: Bị cáo nhận thức được sai phạm của mình và rất ăn năn, hối cải. Bị cáo có thời gian dài công tác và gắn bó với ngành bảo hiểm. Xin Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo bằng thời gian đã tạm giam và xem xét cho bị cáo tiếp tục được công tác trong ngành bảo hiểm.

Người đại diện theo ủy quyền đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử quyết định một bản án nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục hoàn toàn hậu quả về tài sản đã chiếm đoạt. Buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại và công khai xin lỗi các doanh nghiệp là bị hại trong vụ án.

Đôi đáp với ý kiến của các bị cáo và luật sư, Kiểm sát viên cho rằng: Các bị cáo đã bàn bạc, sửa đổi thông tin đăng ký khám bệnh của Khánh tại Bệnh viện X nhằm che giấu thông tin K đã đi khám bệnh tại Bệnh viện X và được chẩn đoán ung thư tuyến giáp. Gian dối, không kê khai trung thực trong làm hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, hồ sơ đề nghị thanh toán tiền bảo hiểm, mua nhiều bảo hiểm tại nhiều công ty khác nhau. Các bị cáo có ý định gian dối ngay từ đầu với mục đích mua bảo hiểm nhằm chiếm đoạt tiền của các công ty bảo hiểm chứ không chỉ gian dối trong quá trình kê khai hồ sơ yêu cầu chi trả quyền lợi bảo hiểm. Việc công ty bảo hiểm có yêu cầu đi khám sức khỏe hay không là nghiệp vụ của công ty bảo hiểm, việc này không thay thế nghĩa vụ phải kê khai trung thực của người được bảo hiểm. Do vậy ý kiến đề nghị thay đổi tội danh của các bị cáo và luật sư là không có cơ sở. Bị cáo H là người chủ mưu, khởi xướng vì bị cáo đã khởi xướng việc sửa đổi thông tin khám bệnh của K tại Bệnh viện X; khai báo hồ sơ bảo hiểm gian dối, đã cùng K, T lập 07 hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và tự mình lập 20 hồ sơ yêu cầu bảo hiểm mang tên N.V.K và làm thủ tục yêu cầu chi trả bảo hiểm, lập nhiều tài khoản khác nhau để nhận tiền chi trả bảo hiểm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, xin lỗi các quý cơ quan, các công ty bảo hiểm đã bị ảnh hưởng vì sự thiếu hiểu biết của các bị cáo. Xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về với gia đình, tái hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan an ninh điều tra Bộ Công an và Cơ quan điều tra hình sự Bộ Quốc phòng, Điều tra viên, Viện kiểm sát quân sự Trung ương và Viện kiểm sát quân sự Quân chủng Hải quân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 06/9/2019, bị cáo N.V.K đi khám tại Bệnh viện X và được chẩn đoán “*theo dõi ung thư tuyến giáp thể nhũ; có chỉ định phẫu thuật*”. Muốn có tiền chi tiêu cho mục đích cá nhân, các bị cáo V.T.N.H, N.V.K và P.T.T đã bàn bạc, thống nhất sửa thông tin khám bệnh của N.V.K tại Bệnh viện X. Sau đó tiến hành lập hồ

sơ yêu cầu tham gia bảo hiểm tại các công ty bảo hiểm. Trong quá trình đàm phán, ký kết hợp đồng bảo hiểm, chỉ kê khai đã đi khám và phát hiện một số bệnh thông thường, không kê khai việc N.V.K đã đi khám và được chẩn đoán “theo dõi ung thư tuyến giáp thể nhú” tại Bệnh viện X vào ngày 06/9/2019. Khi nhận được hồ sơ yêu cầu tham gia bảo hiểm của N.V.K

, các công ty bảo hiểm đã giao cho các bộ phận chức năng thẩm định. Tuy nhiên, do các bị cáo đã bàn bạc và nhờ người thay đổi thông tin khám bệnh tại Bệnh viện X nên khi thẩm định đã không phát hiện được việc bị cáo K đã bị chẩn đoán theo dõi ung thư tuyến giáp trước khi mua bảo hiểm.

Sau khi hết thời gian chờ theo quy định của hợp đồng bảo hiểm, N.V.K đi khám, điều trị ung thư tuyến giáp và làm hồ sơ yêu cầu các công ty bảo hiểm chi trả quyền lợi bảo hiểm. N.V.K đã cung cấp hồ sơ điều trị bệnh ung thư tuyến giáp, ký các giấy tờ như: Giấy ủy quyền cho các công ty xác minh điều kiện bảo hiểm, Phiếu yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm để bị cáo H lập hồ sơ đề nghị chi trả quyền lợi bảo hiểm.

Sau khi nhận được hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm của N.V.K, một số công ty bảo hiểm đã tiến hành xác minh nhưng không phát hiện ra hành vi gian dối của các bị cáo nên đã làm thủ tục giải quyết chi trả quyền lợi bảo hiểm. Có 05 công ty đã chi trả quyền lợi bảo hiểm theo 07 hợp đồng bảo hiểm với số tiền 3.822.800.000 đồng. Trong tổng số tiền 3.822.800.000 đồng, bị cáo N.V.K và P.T.T đã hưởng lợi số tiền 1.647.600.000 đồng, bị cáo V.T.N.H đã hưởng lợi số tiền 2.175.200.000 đồng.

Các bị cáo H, K, T đã dùng thủ đoạn khai báo gian dối khi lập hồ sơ yêu cầu tham gia bảo hiểm, chiếm đoạt của các công ty bảo hiểm số tiền 3.822.800.000 đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát quân sự Trung ương đã truy tố các bị cáo V.T.N.H, N.V.K, P.T.T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ; đề nghị của luật sư và các bị cáo áp dụng Điều 213 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị cáo L.D.P : Là cán bộ được phân công giám sát kiểm tra sức khỏe đối với N.V.K tại Bệnh viện Đa khoa H.P theo chỉ định của Tổng công ty B. Theo quy định, chỉ Tổng công ty B mới có quyền chỉ định khách hàng kiểm tra sức khỏe bổ sung nhưng L.D.P không báo cáo, không được sự đồng ý của Tổng công ty B, tự ý liên hệ với B.T.N.A, nhân viên Bệnh viện H.P để dùng kết luận khám sức khỏe của N.V.K vào ngày 08/10/2019 với lý do các chỉ số máu không đạt để khám lại vào ngày 21/10/2019. Kết quả khám lại bị cáo K đạt “Sức khỏe loại 2”, được Tổng công ty B đồng ý phát hành hợp đồng bảo hiểm, sau đó chiếm đoạt của Tổng công ty B số tiền 117.600.000 đồng. Vì vậy, bị cáo P phải chịu trách nhiệm về hành vi giúp sức để các bị cáo H, K,

T chiếm đoạt của Tổng công ty B số tiền 117.600.000 đồng; đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Các bị cáo có sự bàn bạc, cùng cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của các công ty bảo hiểm. Theo Điều 17 Bộ luật Hình sự thì đây là trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo H vừa là người khởi xướng, vừa là người thực hành, bị cáo K và bị cáo T đều là người thực hành, bị cáo P là người giúp sức; nên cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt.

[3.1] Bị cáo V.T.N.H biết rõ N.V.K đã đi khám bệnh tại Bệnh viện X ngày 06/9/2019 và được chẩn đoán theo dõi ung thư tuyến giáp thể nhú, có chỉ định phẫu thuật nên không đủ điều kiện mua bảo hiểm bệnh hiểm nghèo. Nhưng vì động cơ vụ lợi, H đã khởi xướng, thống nhất cùng bị cáo K và bị cáo T thay đổi thông tin đăng ký khám bệnh của bị cáo K tại Bệnh viện X. Sau đó cùng bị cáo K và bị cáo T lập 07 hồ sơ yêu cầu tham gia bảo hiểm và tự mình lập 20 hồ sơ yêu cầu tham gia bảo hiểm, tự đóng phí bảo hiểm để mua bảo hiểm cho N.V.K, khai báo gian dối khi lập hồ sơ yêu cầu tham gia bảo hiểm để chiếm đoạt của các công ty bảo hiểm số tiền 3.822.800.000 đồng; được hưởng lợi số tiền 2.175.200.000 đồng. Do đó, bị cáo H phải chịu trách nhiệm cao nhất trong vụ án.

[3.2] Bị cáo N.V.K và bị cáo P.T.T : Sau khi biết kết quả khám bệnh tại Bệnh viện X ngày 06/9/2019 và được chẩn đoán theo dõi ung thư tuyến giáp thể nhú, có chỉ định phẫu thuật nên không đủ điều kiện mua bảo hiểm bệnh hiểm nghèo. Nhưng vì động cơ vụ lợi nên khi được bị cáo H khởi xướng thay đổi thông tin khám bệnh để mua bảo hiểm bệnh hiểm nghèo, bị cáo K và bị cáo T đã bàn bạc, thống nhất cùng với bị cáo H thay đổi thông tin đăng ký khám bệnh, khai báo gian dối trong quá trình lập hồ sơ yêu cầu tham gia bảo hiểm và đồng ý cho bị cáo H tự đầu tư mua bảo hiểm mang tên bị cáo K để hưởng phần trăm số tiền đã chiếm đoạt của các công ty bảo hiểm. Bị cáo K và bị cáo T đã cùng bị cáo H chiếm đoạt của các công ty bảo hiểm số tiền 3.822.800.000 đồng. Trong đó, bị cáo K và bị cáo T hưởng lợi số tiền 1.647.600.000 đồng. Do vậy bị cáo K phải chịu trách nhiệm sau bị cáo H và tiếp đến là bị cáo T.

[3.3] Đối với bị cáo L.Đ.P : Bị cáo P được giao nhiệm vụ giám sát kiểm tra sức khỏe đối với bị cáo N.V.K theo chỉ định của Tổng công ty B ; đã có hành vi tự ý can thiệp vào kết quả kiểm tra sức khỏe của N.V.K trái quy định của Tổng công ty B , tạo điều kiện cho N.V.K có được kết quả kiểm tra sức khỏe để được Tổng công ty B phát hành hợp đồng bảo hiểm, sau đó chiếm đoạt của Tổng công ty B số tiền 117.600.000 đồng. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm với vai trò là người giúp sức cho các bị cáo khác chiếm đoạt của Tổng công ty B số tiền 117.600.000 đồng.

[4] Tính chất của vụ án là đặc biệt nghiêm trọng. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình nhưng đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các công ty bảo hiểm, xâm phạm đến quan hệ sở hữu của cơ quan, tổ chức; gây mất trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nên cần xử lý thích đáng, cách ly các bị cáo có vai trò khởi xướng, thực hành tích cực khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xem xét, mở lượng khoan hồng đối với bị cáo có vai trò không đáng kể, bị cáo là người giúp sức trong vụ án.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo H, K và T đã thực hiện hành vi gian dối, chiếm đoạt tiền với số lượng lớn của nhiều công ty bảo hiểm, tại nhiều thời điểm khác nhau. Do vậy, các bị cáo H, K, T phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo H, K, T và P đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội, các bị cáo đã nộp tiền để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả. Bị cáo N.V.K và P.T.T đã nộp lại toàn bộ số tiền được hưởng lợi từ hành vi phạm tội là 1.647.600.000 đồng; bị cáo V.T.N.H đã nộp 1.500.000.000 đồng; bị cáo L.Đ.P đã nộp 20.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ: “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H có thai và sinh con vào ngày 12/12/2022, bị cáo T có thai và sinh con vào ngày 20/6/2022 nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội là phụ nữ có thai” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo T có bố đẻ là người có công với cách mạng, hưởng chế độ thương binh hạng 4/4, tham gia nghĩa vụ quốc tế được tặng Huy hiệu vì nghĩa vụ quốc tế; bị cáo H có mẹ đẻ là người có công với cách mạng được tặng Huân chương chiến công hạng Nhì, Huy chương kháng chiến hạng Nhì, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng và có bố đẻ là người có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng thưởng Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Ba, Huy chương Quân kỳ Quyết thắng, có chồng là người có thành tích xuất sắc trong công tác, được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì; bị cáo K và bị cáo T được đại diện hợp pháp của các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là các tình tiết giảm nhẹ các bị cáo V.T.N.H, N.V.K và P.T.T được hưởng theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Trước khi phạm tội, các bị cáo V.T.N.H, N.V.K và P.T.T là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu. Bị cáo L.Đ.P bị Tòa án kết án phạt tù nhưng cho hưởng án treo, đã được xóa án tích. Bị cáo K mắc bệnh hiểm nghèo, có bố vợ là người có công với cách mạng,

hưởng chế độ thương binh hạng 4/4; có bà ngoại là mẹ đẻ của Liệt sĩ N.K.D

. Bị cáo P có ông nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất, hạng Ba; có ông ngoại là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất. Đây không phải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhưng Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt.

[7] Về đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo H, K, T có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu nên có đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Không chấp nhận đề nghị của bị cáo P và luật sư áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức hình phạt bằng thời gian bị cáo đã bị tạm giam.

[8] Về đề nghị áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo L.D.P là người giúp sức trong vụ án, có vai trò không đáng kể. Bị cáo chỉ phải chịu trách nhiệm đồng phạm với các bị cáo khác chiếm đoạt số tiền 117.600.000 đồng và không được hưởng lợi gì từ số tiền đã chiếm đoạt. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, là người bị kết án nhưng đã được xóa án tích, có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội vẫn đảm bảo cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Nên đề nghị áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo hưởng án treo của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Đối với bị cáo P.T.T, vợ chồng bị cáo là trụ cột trong gia đình, chồng bị cáo là N.V.K đang mắc bệnh hiểm nghèo, phạm tội trong cùng vụ án; bố mẹ chồng già yếu, bệnh tật; bố đẻ là thương binh; bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, năn năn hối cải; mặc dù điều kiện hoàn cảnh gia đình rất khó khăn nhưng đã chủ động khắc phục hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại do mình gây ra và được đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị vận dụng tinh thần khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xem xét, áp dụng chính sách khoan hồng đặc biệt đối với bị cáo; áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng án treo là có căn cứ chấp nhận, thể hiện tính nhân văn của pháp luật.

[9] Về hình phạt bổ sung: Hành vi phạm tội của bị cáo L.D.P có liên quan đến chức vụ bị cáo đảm nhiệm tại Tổng công ty B. Xét thấy cần phải áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo làm công việc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với thời hạn thích hợp. Bị cáo H là quân

nhân nên không áp dụng hình phạt bổ sung cấm làm công việc liên quan đến bảo hiểm đối với bị cáo.

[10] Về bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, đại diện của bị hại đề nghị xử lý hành vi của các bị cáo theo quy định của pháp luật và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 587 Bộ luật Dân sự:

- Các bị cáo V.T.N.H, N.V.K, P.T.T, L.Đ.P phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty B số tiền 117.600.000 đồng. Ghi nhận bị cáo N.V.K, P.T.T đã tự nguyện bồi thường 117.600.000 đồng; bị cáo P tự nguyện bồi thường 20.000.000 đồng; còn thừa 20.000.000 đồng. Các bị cáo K, T, P tự nguyện sử dụng số tiền trên (20.000.000 đồng) bồi thường thay cho bị cáo H.

Các bị cáo V.T.N.H, N.V.K, P.T.T phải liên đới bồi thường thiệt hại cho 04 bị hại tổng số tiền 3.705.200.000 đồng, cụ thể:

- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P số tiền 1.005.200.000 đồng, trong đó bị cáo V.T.N.H phải bồi thường 5.200.000 đồng, bị cáo N.V.K và P.T.T phải bồi thường 1.000.000.000 đồng

- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ D số tiền 1.200.000.000 đồng, trong đó bị cáo V.T.N.H phải bồi thường 850.000.000 đồng, bị cáo N.V.K và P.T.T phải bồi thường 350.000.000 đồng

- Công ty TNHH Bảo hiểm H số tiền 1.000.000.000 đồng, trong đó bị cáo V.T.N.H phải bồi thường 920.000.000 đồng, bị cáo N.V.K và P.T.T phải bồi thường 80.000.000 đồng

- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ F số tiền 500.000.000 đồng, trong đó bị cáo V.T.N.H phải bồi thường 400.000.000 đồng, bị cáo N.V.K và P.T.T phải bồi thường 100.000.000 đồng.

Tổng cộng, bị cáo V.T.N.H phải bồi thường 2.175.200.000 đồng, đã bồi thường được 1.520.000.000 đồng (bị cáo H bồi thường 1.500.000.000 đồng; các bị cáo K, T, P bồi thường thay 20.000.000 đồng) còn phải bồi thường 655.200.000 đồng; bị cáo N.V.K và P.T.T phải bồi thường 1.530.000.000 đồng. Ghi nhận bị cáo N.V.K và P.T.T đã tự nguyện bồi thường xong 1.530.000.000 đồng.

[11] Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và biện pháp cưỡng chế.

[11.1] Về biện pháp tư pháp: Đại diện của các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo công khai xin lỗi các doanh nghiệp là bị hại trong vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 48 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy trong vụ án này, các bị cáo chỉ xâm phạm đến quan hệ sở hữu của các doanh nghiệp chứ

không gây thiệt hại về mặt tinh thần cho các bị hại nên không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa các bị cáo đã tự nguyện xin lỗi các công ty là bị hại trong vụ án.

[11.2] Về xử lý vật chứng:

Quá trình thực hiện tội phạm, bị cáo K đã sử dụng 01 điện thoại Iphone 11 số sê-ri F2L***** và 01 CPU máy tính. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

01 mẫu tiêu bản sinh thiết tế bào của bệnh nhân N.V.K', số hồ sơ 19889803, thu giữ theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật ngày 02/7/2021 tại Bệnh viện X, cần trả lại cho Bệnh viện để lưu trữ theo quy định của pháp luật nên áp dụng áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, trả lại cho Bệnh viện X.

01 điện thoại Oppo A83, màu hồng nhạt, đã qua sử dụng, số IMEI 1: 869***** , số IMEI 2: 869***** của bị cáo V.T.N.H ; 01 điện thoại Iphone 12 Pro, số sê-ri DNP***** , dung lượng 128GB; 01 điện thoại Iphone 14 ProMax có số IMEI 1: 355***** và số IMEI 2: 355***** kèm theo sim điện thoại mã số 898***** và 157***** của L.Đ.P, xét thấy các bị cáo không sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội; 01 Căn cước công dân số 031***** do Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 10/4/2017 của bị cáo N.V.K và 01 Căn cước công dân số 035***** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/05/2021 của bị cáo L.Đ.P là những giấy tờ cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội nên áp dụng điểm a, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho các bị cáo. Riêng đối với điện thoại của bị cáo H, cần tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

02 sim điện thoại số 090***** và số 093***** của bị cáo N.V.K, là những vật chứng không có giá trị sử dụng nên áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy.

02 đĩa DVD lưu trữ dữ liệu trích xuất từ CPU máy tính và điện thoại Iphone 11; 01 đĩa DVD lưu trữ dữ liệu trích xuất từ máy điện thoại Iphone 11 số sê-ri F2L***** ; 01 đĩa DVD lưu trữ dữ liệu trích xuất từ máy điện thoại Iphone 12 Pro, số sê-ri DNP***** ; 03 USB lưu các file ghi âm mẫu so sánh giọng nói V.T.N.H và N.V.K và các tài liệu liên quan đến hợp đồng bảo hiểm mang tên N.V.K được thu giữ trong quá trình khám xét chỗ ở của bị cáo N.V.K, chỗ ở và nơi làm việc của có chứa tài liệu, chứng cứ được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[11.3] Về biện pháp cưỡng chế: Đối với số tiền 4.883.930 đồng trong tài khoản Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam của bị cáo N.V.K bị phong tỏa theo các Lệnh phong tỏa tài khoản số 03, 04, 05/ANĐT-VP ngày

04/01/2022 của Cơ quan An ninh điều tra, Bộ Công an; số tiền 9.046.864 đồng trong tài khoản Ngân hàng TMCP Quân đội của bị cáo V.T.N.H và ông T.M.H bị phong tỏa theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 06/ANĐT-VP ngày 04/01/2022 của Cơ quan An ninh điều tra, Bộ Công an. Xét thấy bị cáo H chưa thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường thiệt hại; bị cáo K, bị T đã thực hiện xong phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại của mình nhưng tiếp tục phong tỏa để bảo đảm nghĩa vụ liên đới bồi thường cùng với bị cáo H. Căn cứ khoản 1 Điều 129 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiếp tục phong tỏa các tài khoản trên để đảm bảo thi hành án.

[12] Những vấn đề có liên quan đến vụ án

Đối với Công văn số 375/ĐTHS-P1 và Công văn số 376/ĐTHS-P1 ngày 18/11/2022 của Cơ quan điều tra hình sự, Bộ Quốc phòng về việc đề nghị tạm dừng giao dịch chuyển quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số **B, tờ bản đồ số **, địa chỉ tổ dân phố **, phường Đ.H, quận H.A, thành phố H và thửa đất số **, tờ bản đồ số **, địa chỉ tổ dân phố Đ.P **, phường V.Đ, quận K.A, thành phố H. Sau khi bị cáo V.T.N.H và bị cáo N.V.K, bị cáo P.T.T thi hành xong nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, các bị cáo có quyền đề nghị Cơ quan điều tra hình sự, Bộ Quốc phòng hủy bỏ tạm dừng giao dịch chuyển quyền sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với hai thửa đất nêu trên.

[13] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: $20.000.000 \text{ đồng} + 4\% \times (655.200.000 - 400.000.000) = 30.208.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 Bộ luật Tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố các bị cáo V.T.N.H, N.V.K, P.T.T, L.Đ.P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo V.T.N.H 10 (mười) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo N.V.K 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp

hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 06/4/2022 đến ngày 16/5/2023.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 17; Điều 58; Điều 38; các điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 54; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo P.T.T 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/8/2024). Giao bị cáo cho UBND phường V.Đ, quận K.A, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo L.Đ.P 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/8/2024). Giao bị cáo cho UBND phường G.V, quận N.Q, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 41 và khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự, cấm bị cáo làm công việc liên quan đến lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về bồi thường thiệt hại

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, khoản 1 các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 587 Bộ luật Dân sự:

Buộc các bị cáo V.T.N.H, N.V.K, P.T.T, phải liên đới bồi thường thiệt hại cho Tổng Công ty B số tiền 117.600.000 (Một trăm mười bảy triệu, sáu trăm nghìn) đồng. Ghi nhận bị cáo N.V.K và P.T.T đã tự nguyện bồi thường 117.600.000 đồng; bị cáo L.Đ.P tự nguyện bồi thường 20.000.000 đồng. Số tiền nộp thừa 20.000.000 đồng, các bị cáo K, T, P tự nguyện sử dụng để bồi thường thay bị cáo V.T.N.H.

Buộc các bị cáo V.T.N.H, N.V.K, P.T.T phải liên đới bồi thường thiệt hại cho 04 bị hại tổng số tiền 3.705.200.000 (Ba tỷ, bảy trăm linh năm triệu, hai trăm nghìn) đồng, cụ thể như sau:

- Bồi thường cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ P số tiền 1.005.200.000 đồng, trong đó bị cáo V.T.N.H phải bồi thường 5.200.000 đồng, bị cáo N.V.K và P.T.T phải bồi thường 1.000.000.000 đồng

- Bồi thường cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ D số
 tiền 1.200.000.000 đồng, trong đó bị cáo V.T.N.H phải bồi thường
 850.000.000 đồng, bị cáo N.V.K và P.T.T phải bồi
 thường 350.000.000 đồng

- Bồi thường cho Công ty TNHH Bảo hiểm H số tiền
 1.000.000.000 đồng, trong đó bị cáo V.T.N.H phải bồi thường
 920.000.000 đồng, bị cáo N.V.K và P.T.T phải bồi
 thường 80.000.000 đồng

- Bồi thường cho Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ F số
 tiền 500.000.000 đồng, trong đó bị cáo V.T.N.H phải bồi thường
 400.000.000 đồng, bị cáo N.V.K và P.T.T phải bồi
 thường 100.000.000 đồng.

Tổng cộng, bị cáo V.T.N.H phải bồi thường 2.175.200.000 (Hai tỷ,
 một trăm bảy mươi năm triệu, hai trăm nghìn) đồng, đã bồi thường được
 1.520.000.000 đồng, còn phải bồi thường 655.200.000 (Sáu trăm, năm mươi
 năm triệu, hai trăm nghìn) đồng; bị cáo N.V.K và P.T.T
 phải bồi thường 1.530.000.000 (Một tỷ, năm trăm ba mươi triệu) đồng. Ghi nhận
 bị cáo N.V.K và P.T.T đã tự nguyện bồi thường xong
 1.530.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật
 và có đơn yêu cầu thi hành án của người được bồi thường, nếu bên có nghĩa vụ
 thi hành án chậm trả tiền thì họ còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy
 định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật
 thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền
 thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị
 cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự;
 thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án
 dân sự.

3. Về xử lý vật chứng

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều
 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện
 thoại Iphone 11 số sê-ri F2L***** và 01 (một) CPU máy tính của bị cáo
 N.V.K (theo Biên bản khám xét chỗ ở hồi 9h45' ngày 05/01/2022
 của Cơ quan An ninh điều tra, Bộ Công an).

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tịch thu, tiêu
 hủy 02 sim điện thoại số 090***** và số 093***** của bị cáo N.V.K
 (theo Biên bản khám xét chỗ ở hồi 9h45' ngày 05/01/2022 của Cơ quan
 An ninh điều tra, Bộ Công an)

- Áp dụng điểm a, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Trả lại cho bị cáo V.T.N.H 01 (một) điện thoại Oppo A83, số IMEI 1: 869***** , số IMEI 2: 869***** (theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử hồi 9h45' ngày 04/10/2022 của Cơ quan Điều tra hình sự, Bộ Quốc phòng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ Trả lại cho bị cáo N.V.K : 01 (một) điện thoại Iphone 12 Pro, số sê-ri DNP***** (theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử hồi 14h00 ngày 11/5/2022 của Cơ quan An ninh điều tra, Bộ Công an) và 01 (một) Căn cước công dân số 031***** do Cục CSĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 10/4/2017 mang tên N.V.K

+ Trả lại cho bị cáo L.Đ.P : 01 (một) điện thoại Iphone 14 ProMax có số IMEI 1: 355***** và số IMEI 2: 355***** kèm theo sim điện thoại mã số 898***** và 157***** (theo Biên bản bắt bị can để tạm giam ngày 28/4/2023 của Cơ quan Điều tra hình sự, Bộ Quốc phòng) và 01 (một) Căn cước công dân số 035***** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/05/2021 mang tên ;

+ Trả lại cho Bệnh viện X 01 (một) mẫu tiêu bản sinh thiết tế bào của bệnh nhân N.V.K' , số hiệu K Y650 (theo Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật hồi 11h30 ngày 02/7/2021 tại Bệnh viện của Cơ quan An ninh điều tra, Bộ Công an)

4. Về biện pháp cưỡng chế

Áp dụng khoản 1 Điều 129 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiếp tục phong tỏa tài khoản số 955***** , tài khoản số 258***** , tài khoản số 093***** , tài khoản số 257***** tại Ngân hàng TMCP Quân đội; tài khoản số 020***** tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, tài khoản số 190***** tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam của bị cáo V.T.N.H , với tổng số tiền trong các tài khoản bị phong tỏa là 4.883.930 đồng (bốn triệu, tám trăm, tám mươi ba nghìn, chín trăm ba mươi đồng) và tài khoản số 251***** , tài khoản số 001***** , tài khoản số 097***** tại Ngân hàng TMCP Quân đội của bị cáo V.T.N.H , tài khoản số 251***** tại Ngân hàng TMCP Quân đội của ông T.M.H , với tổng số tiền trong các tài khoản là 9.046.864 đồng (chín triệu, không trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm sáu mươi tư đồng) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

5. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, các bị cáo: V.T.N.H , N.V.K , P.T.T , L.Đ.P , mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo V.T.N.H phải chịu 30.208.000 đồng (ba mươi triệu, hai trăm linh tám nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo đối với bản án

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/8/2024) đối với các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa và trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Trung ương./.

Nơi nhận:

- VKSQS Trung ương;
- VKSQS Quân chủng HQ;
- CQĐTHS Bộ Quốc phòng;
- Cơ quan THAHS QK3;
- Phòng THA Quân chủng HQ;
- Bị cáo (4);
- Bị hại (5)
- Người có QL, NVLQ đến vụ án (10)
- Người bào chữa (7)
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và người có QLNVLQ đến vụ án (1);
- P. TTTL&LLTP, P. GĐKT/ TAQSTW (2)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Thượng tá Vũ Hồng Thiêm

